

Số: 1360/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 19 tháng 4 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức,
viên chức tỉnh Thanh Hóa năm 2016**

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05/3/2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Thông tư số 19/2014/TT-BNV ngày 04/12/2014 của Bộ Nội vụ Quy định, hướng dẫn công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức;

Căn cứ Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

Căn cứ Quyết định số 3612/QĐ-UBND ngày 21/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 5256/2015/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2016 của tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Liên ngành: Nội vụ - Tài chính tại Tờ trình số 135/TTrLN-NV-TC ngày 29/3/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thanh Hóa năm 2016.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thị Thìn

Thanh Hoá, ngày 19 tháng 4 năm 2016

KẾ HOẠCH

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2016

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1360/QĐ-UBND ngày 19/4/2016
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức nhằm nâng cao kiến thức, trình độ chuyên môn, kỹ năng, năng lực quản lý, điều hành và thực thi nhiệm vụ, tiến tới xây dựng một đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ công tác trong tình hình mới.

- Xác định rõ nội dung, nhiệm vụ cụ thể, thời gian thực hiện và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Yêu cầu

- Đào tạo, bồi dưỡng phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn các ngạch, công chức, viên chức; tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của các cơ quan đơn vị; đào tạo, bồi dưỡng phải có trọng tâm, trọng điểm, gắn đào tạo, bồi dưỡng với bố trí, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng.

- Tổ chức có hiệu quả, đảm bảo tiến độ các lớp đào tạo, bồi dưỡng đã được phê duyệt tại kế hoạch này; cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng phải đúng đối tượng, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

II. ĐỐI TƯỢNG, MỤC TIÊU ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG.

1. Đối tượng đào tạo, bồi dưỡng:

- Cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc trong các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh; người làm công tác quản lý nhà nước về dân tộc, tôn giáo ở cơ quan công an, quân sự cấp huyện và các đồn biên phòng trên địa bàn tỉnh.

- Cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

- Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

2. Mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng

- Đào tạo, bồi dưỡng từ 90-95% cán bộ, công chức, viên chức qua các chương trình về lý luận chính trị; kiến thức quản lý nhà nước; kiến thức, kỹ năng thực thi công vụ; về hội nhập quốc tế, văn hóa công sở,... đảm bảo theo các tiêu chuẩn, chức danh quy định và vị trí việc làm;

- 70-75% cán bộ, công chức được bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp ứng xử; kỹ năng tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại; về quản lý phòng tránh, xử lý ô nhiễm môi trường và an toàn vệ sinh thực phẩm; về quản lý tài chính - kế toán và hoạt động đầu tư kinh doanh; hiểu biết về quản lý, sử dụng vốn đầu tư công...

- Trên 90% cán bộ cấp xã giữ chức vụ qua bầu cử và công chức chuyên môn được đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo chức danh quy định;

- 100% đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được bồi dưỡng trang bị kiến thức, kỹ năng hoạt động theo quy định;

- 60-70% cán bộ không chuyên trách cấp xã được bồi dưỡng kiến thức phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.

III. NỘI DUNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng

1.1. Đối với cán bộ, công chức:

- Về đào tạo: Tiếp tục tổ chức đào tạo chuyển tiếp 01 lớp đại học Luật năm cuối cho cán bộ, công chức cấp huyện, cấp xã thuộc huyện Tĩnh Gia;

- Đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ và tiếng dân tộc thiểu số:

+ Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng 01 lớp tiếng Anh cho cán bộ, công chức làm công tác văn hóa - du lịch; 01 lớp tiếng Nhật cho cán bộ, công chức là cán bộ nguồn của các sở, ban, ngành cấp tỉnh;

+ Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng 01 lớp tiếng dân tộc Mông; 01 lớp tiếng dân tộc Thái cho cán bộ, công chức công tác ở vùng có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống; 01 lớp tiếng Lào cho cán bộ, công chức, cán bộ bộ đội biên phòng đang công tác tại các huyện có đường biên giới với Lào.

- Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo tiêu chuẩn ngạch; tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý:

+ Tổ chức 02 lớp bồi dưỡng cho chuyên viên và tương đương, 02 lớp chuyên viên chính và tương đương cho đội ngũ cán bộ, công chức khối đảng, chính quyền, đoàn thể cấp tỉnh, cấp huyện;

+ Tổ chức 02 lớp bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo cấp phòng và tương đương cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp huyện;

+ Tổ chức 10 lớp bồi dưỡng kiến thức Quản lý nhà nước cho cán bộ, công chức cấp huyện, xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn.

- Bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ:

+ Tổ chức 20 lớp bồi dưỡng về kỹ năng giao tiếp, văn hóa công sở, quy tắc ứng xử, nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức từ tỉnh đến cơ sở;

+ Tổ chức 05 lớp bồi dưỡng kiến thức về hội nhập quốc tế cho cán bộ, công chức từ tỉnh đến cơ sở;

+ Tổ chức 63 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ về dân tộc, tôn giáo, văn thư - lưu trữ, cải cách hành chính, thi đua - khen thưởng, văn hóa du lịch, tài nguyên môi trường, nông nghiệp, xây dựng, giao thông, tư pháp, quản lý tài chính, khoa học công nghệ, thương mại, công nghệ thông tin và các nghiệp vụ khác cho đội ngũ cán bộ, công chức từ tỉnh đến cơ sở;

+ Tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức nâng cao, kỹ năng hoạt động cho đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021 sau khi bầu cử.

1.2. Đối với viên chức:

- Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo quản lý; các nguyên tắc về hoạt động nghề nghiệp, đạo đức nghề nghiệp;

- Bồi dưỡng kiến thức bổ trợ theo tiêu chuẩn chức danh chuyên môn nghề nghiệp;

- Bồi dưỡng kiến thức hội nhập quốc tế.

2. Kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức năm 2016 là: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng) từ nguồn ngân sách địa phương dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức theo Quyết định số 5256/2015/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2016 của tỉnh Thanh Hóa.

Tổng kinh phí phân bổ đợt này là: 8.507.710.000 đồng (Tám tỷ năm trăm linh bảy triệu bảy trăm mười nghìn đồng) *(có dự toán chi tiết kèm theo)*.

Kinh phí còn lại phân bổ sau: 11.492.290.000 đồng (Mười một tỷ bốn trăm chín mươi hai triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng) dự kiến chi bồi dưỡng kiến thức nâng cao, kỹ năng hoạt động cho đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021 và trợ cấp bảo vệ luận văn thạc sĩ, tiến sĩ và tương đương năm 2016.

Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức năm 2016 được lấy từ các nguồn: Kinh phí của đơn vị sự nghiệp công lập của viên chức; tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã, thành phố và các cơ sở đào tạo trong tỉnh tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch này theo đúng các quy định hiện hành, đúng tiến độ, đảm bảo hiệu quả, chất lượng.

- Hướng dẫn, đôn đốc các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền;

- Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính lập kế hoạch và tổ chức kiểm tra việc thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng theo nội dung kế hoạch được phê duyệt;

- Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nội vụ về kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng theo quy định;

- Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng được giao theo đúng quy định hiện hành, đảm bảo đúng mục đích và có hiệu quả.

2. Sở Tài chính

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thông báo bổ sung dự toán cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và bổ sung trợ cấp mục tiêu cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện nội dung đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức đã được phê duyệt tại kế hoạch này.

- Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng, thanh, quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức từ nguồn ngân sách nhà nước và nguồn tài trợ của các cơ quan, tổ chức theo đúng quy định hiện hành.

3. Trường Chính trị tỉnh và các cơ sở đào tạo

- Chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đội ngũ giảng viên và các điều kiện khác để triển khai mở lớp đảm bảo có chất lượng và đúng thời gian theo kế hoạch.

- Cử giảng viên phù hợp để đảm bảo chất lượng của các khóa đào tạo, bồi dưỡng theo nhiệm vụ được giao và hợp đồng đã ký kết. Chịu trách nhiệm về nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng.

- Tổ chức lớp học, quản lý học viên, báo cáo kết quả khóa học về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ).

4. Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Rà soát, thống kê, xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và một số đối tượng khác của cơ quan, đơn vị mình; chọn cử đúng đối tượng tham gia, chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện.

- Bố trí kinh phí, huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

- Phối hợp với Sở Nội vụ trong việc lập danh sách, cử học viên tham dự, tổ chức quản lý các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch được giao.

- Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả; thanh, quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng theo quy định hiện hành.

Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tại kế hoạch này chủ động lập kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện và mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng trước ngày 25/11/2016 và báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ)./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thị Thìn



BẢNG TỔNG HỢP PHÂN BỐ KINH PHÍ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC NĂM 2016 CỦA TỈNH THANH HOÁ

(Kèm theo Quyết định số: 136/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên đơn vị	Số lớp	Thành tiền	Chi chú
	Tổng cộng	110	8.507.710.000	
A	Khối huyện, thị xã, TP	43	2.856.700.000	
1	Thành phố Thanh Hoá	1	100.500.000	
2	Thị xã Bim Sơn	2	114.000.000	
3	Thị xã Sầm Sơn	2	287.400.000	1 lớp tiếng Anh
4	Huyện Hoảng Hoá	1	57.000.000	
5	Huyện Yên Định	2	114.000.000	
6	Huyện Hà Trung	1	70.500.000	
7	Huyện Tĩnh Gia	1	200.000.000	Lớp ĐH Luật chuyển tiếp và kết thúc
8	Huyện Triệu Sơn	2	114.000.000	
9	Huyện Thiệu Hoá	2	105.900.000	
10	Huyện Nga Sơn	2	114.000.000	
11	Huyện Hậu Lộc	2	116.700.000	
12	Huyện Nông Cống	1	78.600.000	
13	Huyện Thọ Xuân	3	156.420.000	
14	Huyện Quảng Xương	2	76.200.000	
15	Huyện Đông Sơn	3	136.440.000	
16	Huyện Vĩnh Lộc	1	84.000.000	
17	Huyện Như Xuân	1	48.900.000	
18	Huyện Như Thanh	1	262.100.000	Lớp tiếng Thái
19	Huyện Thường Xuân	2	97.800.000	
20	Huyện Quan Sơn	2	87.000.000	
21	Huyện Thạch Thành	2	114.000.000	
22	Huyện Ngọc Lặc	1	57.000.000	
23	Huyện Cẩm Thủy	2	97.800.000	
24	Huyện Quan Hoá	1	35.940.000	

STT	Tên đơn vị	Số lớp	Thành tiền	Chi chú
25	Huyện Bá Thước	1	43.500.000	
26	Huyện Mường Lát	1	43.500.000	
27	Huyện Lang Chánh	1	43.500.000	
B	Các đơn vị cấp tỉnh	67	5.651.010.000	
1	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	2	90.000.000	
2	Tỉnh Đoàn Thanh niên	2	144.000.000	
3	Hội người mù	3	68.220.000	
4	Sở Tài nguyên và Môi trường	1	72.000.000	
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	3	135.000.000	
6	Sở Lao động thương binh & XH	2	93.780.000	
7	Chi cục Văn thư - Lưu trữ	3	151.200.000	
8	Ban Tôn Giáo	3	175.500.000	
9	Ban Thi đua khen thưởng	2	117.000.000	
10	Trung Tâm Giáo dục Quốc tế - Trường Đại học Hồng Đức	1	225.250.000	Lớp tiếng Nhật
11	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	1	209.800.000	Lớp tiếng Lào
12	Trường Chính trị tỉnh	6	1.330.000.000	2 lớp CV, 02 lớp CVC, 02 cấp phòng
13	Ban Dân tộc	2	90.000.000	
14	Công an tỉnh	1	72.810.000	
15	Ban Quản lý Khu Kinh tế Nghi Sơn	2	117.000.000	
16	Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch	2	81.600.000	
17	Sở Giao thông vận tải	2	144.000.000	
18	Sở Khoa học và Công nghệ	2	103.500.000	
19	Sở Xây dựng	2	171.000.000	
20	Sở Tư pháp	3	175.500.000	
21	Sở Công thương	2	90.000.000	
22	Sở Nông nghiệp và PTNT	2	100.260.000	
23	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	3	301.500.000	
24	Sở Thông tin và Truyền thông	2	138.000.000	
25	Báo Thanh Hoá	1	45.000.000	
26	Hội Nhà báo VN tỉnh Thanh Hóa	1	39.600.000	
27	Sở Ngoại vụ	1	100.500.000	

STT	Tên đơn vị	Số lớp	Thành tiền	Chi chú
28	Hội Cựu chiến binh tỉnh	1	75.390.000	
29	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	1	122.640.000	
30	Sở Tài chính	5	247.560.000	
31	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	1	229.300.000	Lớp tiếng Mông
32	Sở Nội vụ	2	394.100.000	

PHỤ LỤC CHI TIẾT
DỰ TOÁN PHÂN BỐ KINH PHÍ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC NĂM 2016 CỦA TỈNH THANH HOÁ
 (Kèm theo Quyết định số: 1360/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung chi	ĐVT	Dự toán đơn vị lập			Dự toán thẩm định		
			Số lượng	Định mức	Thành tiền	Số lượng	Định mức	Thành tiền
	TỔNG CỘNG				10.034.410.000	0	0	8.507.710.000
A	KHÔI HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ				3.482.500.000			2.856.700.000
I	Thành phố Thanh Hóa mở 01 lớp BD kỹ năng giao tiếp, văn hóa công sở, đạo đức công vụ, quy tắc ứng xử cho CBCC cơ quan UBND TP và CBCC phường, xã	lớp	1		130.000.000	1		100.500.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	4.500.000	18.000.000	3	4.500.000	13.500.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	300	200.000	60.000.000	300	150.000	45.000.000
-	Tiền nước uống	người	300	120.000	36.000.000	300	90.000	27.000.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	300	30.000	9.000.000	300	30.000	9.000.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
II	Thị xã Bầm Sơn				147.000.000			114.000.000
1	Lớp BD kiến thức hội nhập quốc tế cho cán bộ, công chức phường, xã	lớp	1		73.500.000	1		57.000.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	3.500.000	14.000.000	3	3.500.000	10.500.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	150	200.000	30.000.000	150	150.000	22.500.000
-	Tiền nước uống	người	150	120.000	18.000.000	150	90.000	13.500.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	150	30.000	4.500.000	150	30.000	4.500.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000

Số TT	Nội dung chi	ĐVT	Dự toán đơn vị lập			Dự toán thẩm định		
			Số lượng	Định mức	Thành tiền	Số lượng	Định mức	Thành tiền
2	Bồi dưỡng kiến thức QLNN về phòng tránh xử lý ô nhiễm MT trong sản xuất phát triển kinh tế và sử dụng an toàn thực phẩm cho CBCC phường xã và Bí thư chi bộ, Trưởng thôn	lớp	1		73.500.000	1		57.000.000
-	Chi thuê hội trường, ma két, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	3.500.000	14.000.000	3	3.500.000	10.500.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	150	200.000	30.000.000	150	150.000	22.500.000
-	Tiền nước uống	người	150	120.000	18.000.000	150	90.000	13.500.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	150	30.000	4.500.000	150	30.000	4.500.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
III	Thị xã Sầm Sơn				303.900.000			287.400.000
1	Lớp BD kỹ năng giao tiếp du lịch bằng tiếng Anh cho CBCC làm công tác văn hóa - du lịch cấp huyện và cán bộ văn hóa - xã hội cấp xã	lớp	1		230.400.000	1		230.400.000
-	Chi thuê hội trường, ma két, thiết bị giảng dạy...	ngày	45	2.000.000	90.000.000	45	2.000.000	90.000.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	90	500.000	45.000.000	90	500.000	45.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	60	1.000.000	60.000.000	60	1.000.000	60.000.000
-	Tiền nước uống	người	60	450.000	27.000.000	60	450.000	27.000.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	60	80.000	4.800.000	60	80.000	4.800.000
-	Chi in chứng chỉ	cái	60	10.000	600.000	60	10.000	600.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
2	Lớp BD kỹ năng tuyên truyền, vận động về văn hóa du lịch - dịch vụ cho CBCC thị xã Sầm Sơn và CBCC xã, phường	lớp	1		73.500.000	1		57.000.000
-	Chi thuê hội trường, ma két, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	3.500.000	14.000.000	3	3.500.000	10.500.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	150	200.000	30.000.000	150	150.000	22.500.000

Số TT	Nội dung chi	ĐVT	Dự toán đơn vị lập			Dự toán thẩm định		
			Số lượng	Định mức	Thành tiền	Số lượng	Định mức	Thành tiền
-	Tiền nước uống	người	150	120.000	18.000.000	150	90.000	13.500.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	150	30.000	4.500.000	150	30.000	4.500.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
IV	Huyện Hoàng Hóa mở 01 Lớp BD kỹ năng giao tiếp trong thực thi công vụ cho CBCC cấp xã	lớp	1		73.500.000	1		57.000.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	3.500.000	14.000.000	3	3.500.000	10.500.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	150	200.000	30.000.000	150	150.000	22.500.000
-	Tiền nước uống	người	150	120.000	18.000.000	150	90.000	13.500.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	150	30.000	4.500.000	150	30.000	4.500.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
V	Huyện Yên Định				147.000.000			114.000.000
1	Lớp BD kỹ năng tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân cho CBCC cấp huyện, xã	lớp	1		73.500.000	1		57.000.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	3.500.000	14.000.000	3	3.500.000	10.500.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	150	200.000	30.000.000	150	150.000	22.500.000
-	Tiền nước uống	người	150	120.000	18.000.000	150	90.000	13.500.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	150	30.000	4.500.000	150	30.000	4.500.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
2	Lớp BD kiến thức về môi trường và xử lý ô nhiễm môi trường trong sản xuất nông nghiệp cho CBCC xã và những người hoạt động không chuyên trách ở xã	lớp	1		73.500.000	1		57.000.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	3.500.000	14.000.000	3	3.500.000	10.500.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000

Số TT	Nội dung chi	ĐVT	Dự toán đơn vị lập			Dự toán thẩm định		
			Số lượng	Định mức	Thành tiền	Số lượng	Định mức	Thành tiền
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	150	200.000	30.000.000	150	150.000	22.500.000
-	Tiền nước uống	người	150	120.000	18.000.000	150	90.000	13.500.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	150	30.000	4.500.000	150	30.000	4.500.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
VI	Huyện Hà Trung mở 01 Lớp BD nghiệp vụ công tác Văn thư - Lưu trữ cho CB hành chính các trường học, công chức xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện	lớp	1		91.000.000	1		70.500.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	3.500.000	14.000.000	3	3.500.000	10.500.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	200	200.000	40.000.000	200	150.000	30.000.000
-	Tiền nước uống	người	200	120.000	24.000.000	200	90.000	18.000.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	200	30.000	6.000.000	200	30.000	6.000.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
VII	Huyện Tĩnh gia 01 lớp Đại học luật cho cán bộ, công chức cấp huyện, cấp xã năm 2012-2016	lớp	1		200.000.000	1		200.000.000
VIII	Huyện Triệu Sơn				147.000.000			114.000.000
1	Lớp BD kỹ năng giao tiếp trong thực thi công vụ cho cán bộ, công chức cấp xã	lớp	1		73.500.000	1		57.000.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	3.500.000	14.000.000	3	3.500.000	10.500.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	150	200.000	30.000.000	150	150.000	22.500.000
-	Tiền nước uống	người	150	120.000	18.000.000	150	90.000	13.500.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	150	30.000	4.500.000	150	30.000	4.500.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000

Số TT	Nội dung chi	ĐVT	Dự toán đơn vị lập			Dự toán thẩm định		
			Số lượng	Định mức	Thành tiền	Số lượng	Định mức	Thành tiền
2	Lớp BD kiến thức QLNN cho Bí thư chi bộ, Trưởng thôn	lớp	1		73.500.000	1		57.000.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	3.500.000	14.000.000	3	3.500.000	10.500.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	150	200.000	30.000.000	150	150.000	22.500.000
-	Tiền nước uống	người	150	120.000	18.000.000	150	90.000	13.500.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	150	30.000	4.500.000	150	30.000	4.500.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
IX	Huyện Thiệu Hoá				136.500.000			105.900.000
1	Lớp BD văn hóa công sở, đạo đức công vụ, quy tắc ứng xử cho CBCC cấp xã	lớp	1		73.500.000	1		57.000.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	3.500.000	14.000.000	3	3.500.000	10.500.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	150	200.000	30.000.000	150	150.000	22.500.000
-	Tiền nước uống	người	150	120.000	18.000.000	150	90.000	13.500.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	150	30.000	4.500.000	150	30.000	4.500.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
2	Lớp BD kỹ năng giao tiếp trong thực thi công vụ cho đội ngũ CBCC cấp xã	lớp	1		63.000.000	1		48.900.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	3.500.000	14.000.000	3	3.500.000	10.500.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	120	200.000	24.000.000	120	150.000	18.000.000
-	Tiền nước uống	người	120	120.000	14.400.000	120	90.000	10.800.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	120	30.000	3.600.000	120	30.000	3.600.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
X	Huyện Nga Sơn mở 02 Lớp BD kiến thức QLNN cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã	lớp	2	73.500.000	147.000.000	2	57.000.000	114.000.000

Số TT	Nội dung chi	ĐVT	Dự toán đơn vị lập			Dự toán thẩm định		
			Số lượng	Định mức	Thành tiền	Số lượng	Định mức	Thành tiền
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	3.500.000	14.000.000	3	3.500.000	10.500.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	150	200.000	30.000.000	150	150.000	22.500.000
-	Tiền nước uống	người	150	120.000	18.000.000	150	90.000	13.500.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	150	30.000	4.500.000	150	30.000	4.500.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
XI	Huyện Hậu Lộc				150.500.000			116.700.000
1	Lớp BD kiến thức QLNN cho Bí thư chi bộ, Trưởng thôn	lớp	1		77.000.000	1		59.700.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	3.500.000	14.000.000	3	3.500.000	10.500.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	160	200.000	32.000.000	160	150.000	24.000.000
-	Tiền nước uống	người	160	120.000	19.200.000	160	90.000	14.400.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	160	30.000	4.800.000	160	30.000	4.800.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
2	Lớp BD kiến thức hội nhập kinh tế quốc tế cho CBCC cơ quan UBND huyện và các đơn vị trực thuộc	lớp	1		73.500.000	1		57.000.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	3.500.000	14.000.000	3	3.500.000	10.500.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	150	200.000	30.000.000	150	150.000	22.500.000
-	Tiền nước uống	người	150	120.000	18.000.000	150	90.000	13.500.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	150	30.000	4.500.000	150	30.000	4.500.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
XII	Huyện Nông Cống mở 01 Lớp BD kiến thức hội nhập kinh tế quốc tế cho CBCC cấp xã	lớp	1		101.500.000	1		78.600.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	3.500.000	14.000.000	3	3.500.000	10.500.000

Số TT	Nội dung chi	ĐVT	Dự toán đơn vị lập			Dự toán thẩm định		
			Số lượng	Định mức	Thành tiền	Số lượng	Định mức	Thành tiền
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	230	200.000	46.000.000	230	150.000	34.500.000
-	Tiền nước uống	người	230	120.000	27.600.000	230	90.000	20.700.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	230	30.000	6.900.000	230	30.000	6.900.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
XIII	Huyện Thọ Xuân				201.600.000			156.420.000
1	Lớp BD nghiệp vụ công tác CCHC cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã	lớp	1		64.050.000	1		49.710.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	3.500.000	14.000.000	3	3.500.000	10.500.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	123	200.000	24.600.000	123	150.000	18.450.000
-	Tiền nước uống	người	123	120.000	14.760.000	123	90.000	11.070.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	123	30.000	3.690.000	123	30.000	3.690.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
2	Lớp BD văn hóa công sở, đạo đức công vụ, quy tắc ứng xử cho CBCC cấp huyện, xã	lớp	1		73.500.000	1		57.000.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	3.500.000	14.000.000	3	3.500.000	10.500.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	150	200.000	30.000.000	150	150.000	22.500.000
-	Tiền nước uống	người	150	120.000	18.000.000	150	90.000	13.500.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	150	30.000	4.500.000	150	30.000	4.500.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
3	Lớp BD kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã	lớp	1		64.050.000	1		49.710.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	3.500.000	14.000.000	3	3.500.000	10.500.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	123	200.000	24.600.000	123	150.000	18.450.000

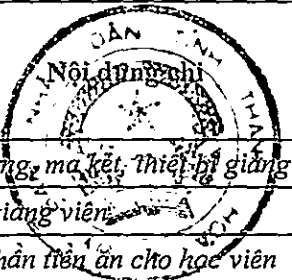
Số TT	Nội dung chi	ĐVT	Dự toán đơn vị lập			Dự toán thẩm định		
			Số lượng	Định mức	Thành tiền	Số lượng	Định mức	Thành tiền
-	Tiền nước uống	người	123	120.000	14.760.000	123	90.000	11.070.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	123	30.000	3.690.000	123	30.000	3.690.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
XIV	Huyện Quảng Xương				98.000.000			76.200.000
1	Lớp BD kiến thức QLNN cho cán bộ cấp xã mới được bầu giữ chức vụ	lớp	1		50.750.000	1		39.450.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	3.500.000	14.000.000	3	3.500.000	10.500.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	85	200.000	17.000.000	85	150.000	12.750.000
-	Tiền nước uống	người	85	120.000	10.200.000	85	90.000	7.650.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	85	30.000	2.550.000	85	30.000	2.550.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
2	Lớp BD văn hóa công sở, đạo đức công vụ, quy tắc ứng xử cho công chức xã mới được tuyển dụng	lớp	1		47.250.000	1		36.750.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	3.500.000	14.000.000	3	3.500.000	10.500.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	75	200.000	15.000.000	75	150.000	11.250.000
-	Tiền nước uống	người	75	120.000	9.000.000	75	90.000	6.750.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	75	30.000	2.250.000	75	30.000	2.250.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
XV	Huyện Đông Sơn				175.700.000			136.440.000
1	Lớp BD kiến thức QLNN và xây dựng NTM cho Trường thôn, khối phố	lớp	1		70.700.000	1		54.840.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	3.500.000	14.000.000	3	3.500.000	10.500.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	142	200.000	28.400.000	142	150.000	21.300.000

Số TT	Nội dung chi	ĐVT	Dự toán đơn vị lập			Dự toán thẩm định		
			Số lượng	Định mức	Thành tiền	Số lượng	Định mức	Thành tiền
-	Tiền nước uống	người	142	120.000	17.040.000	142	90.000	12.780.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	142	30.000	4.260.000	142	30.000	4.260.000
-	Chi khai giảng, bế giảng...				3.000.000			3.000.000
2	Lớp BD nâng cao kỹ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ cho CBCC cấp xã	lớp	1		52.500.000	1		40.800.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	3.500.000	14.000.000	3	3.500.000	10.500.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	90	200.000	18.000.000	90	150.000	13.500.000
-	Tiền nước uống	người	90	120.000	10.800.000	90	90.000	8.100.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	90	30.000	2.700.000	90	30.000	2.700.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
3	Lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác cải cách hành chính, xác định chỉ số CCHC	lớp	1		52.500.000	1		40.800.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	3.500.000	14.000.000	3	3.500.000	10.500.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	90	200.000	18.000.000	90	150.000	13.500.000
-	Tiền nước uống	người	90	120.000	10.800.000	90	90.000	8.100.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	90	30.000	2.700.000	90	30.000	2.700.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
XVI	Huyện Vĩnh Lộc mở 01 lớp BD văn hóa công sở, đạo đức công vụ, quy tắc ứng xử cho CBCC cấp huyện, xã	lớp	1		108.500.000	1		84.000.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	3.500.000	14.000.000	3	3.500.000	10.500.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	250	200.000	50.000.000	250	150.000	37.500.000
-	Tiền nước uống	người	250	120.000	30.000.000	250	90.000	22.500.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	250	30.000	7.500.000	250	30.000	7.500.000

Số TT		ĐVT	Dự toán đơn vị lập			Dự toán thẩm định		
			Số lượng	Định mức	Thành tiền	Số lượng	Định mức	Thành tiền
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
XVII	Huyện Như Xuân mới 01 lớp bồi dưỡng cao kỹ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ cho CBCC cấp xã	lớp	1		63.000.000	1		48.900.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	3.500.000	14.000.000	3	3.500.000	10.500.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	120	200.000	24.000.000	120	150.000	18.000.000
-	Tiền nước uống	người	120	120.000	14.400.000	120	90.000	10.800.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	120	30.000	3.600.000	120	30.000	3.600.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
XVIII	Huyện Như Thanh 01 lớp đào tạo tiếng, chữ dân tộc Thái cho CBCC huyện, cán bộ xã	lớp	1		262.100.000	1		262.100.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	48	2.000.000	96.000.000	48	2.000.000	96.000.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	96	500.000	48.000.000	96	500.000	48.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	70	1.000.000	70.000.000	70	1.000.000	70.000.000
-	Tiền nước uống	người	70	480.000	33.600.000	70	480.000	33.600.000
-	Tiền in chứng chỉ	cái	70	10.000	700.000	70	10.000	700.000
-	Chi tổ chức cho học viên đi thực tế (02 CB quản lý)	người	72	150.000	10.800.000	72	150.000	10.800.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
XIX	Huyện Thường Xuân				126.000.000			97.800.000
1	Lớp BD nghiệp vụ CCHC cho CBCC cấp huyện, xã	lớp	1		63.000.000	1		48.900.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	3.500.000	14.000.000	3	3.500.000	10.500.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	120	200.000	24.000.000	120	150.000	18.000.000
-	Tiền nước uống	người	120	120.000	14.400.000	120	90.000	10.800.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	120	30.000	3.600.000	120	30.000	3.600.000

Số TT	Nội dung chi	ĐVT	Dự toán đơn vị lập			Dự toán thẩm định		
			Số lượng	Định mức	Thành tiền	Số lượng	Định mức	Thành tiền
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
2	Lớp BD văn hóa công sở, đạo đức công vụ, quy tắc ứng xử cho CBCC cấp huyện, xã	lớp	1		63.000.000	1		48.900.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	3.500.000	14.000.000	3	3.500.000	10.500.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	120	200.000	24.000.000	120	150.000	18.000.000
-	Tiền nước uống	người	120	120.000	14.400.000	120	90.000	10.800.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	120	30.000	3.600.000	120	30.000	3.600.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
XX	Huyện Quan Sơn				112.000.000			87.000.000
1	Lớp BD văn hóa công sở, đạo đức công vụ, quy tắc ứng xử cho CBCC cấp xã	lớp	1		56.000.000	1		43.500.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	3.500.000	14.000.000	3	3.500.000	10.500.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	100	200.000	20.000.000	100	150.000	15.000.000
-	Tiền nước uống	người	100	120.000	12.000.000	100	90.000	9.000.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	100	30.000	3.000.000	100	30.000	3.000.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
2	Lớp BD kỹ năng giao tiếp cho những người hoạt động không chuyên trách cấp xã	lớp	1		56.000.000	1		43.500.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	3.500.000	14.000.000	3	3.500.000	10.500.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	100	200.000	20.000.000	100	150.000	15.000.000
-	Tiền nước uống	người	100	120.000	12.000.000	100	90.000	9.000.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	100	30.000	3.000.000	100	30.000	3.000.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
XXI	Huyện Thạch Thành				147.000.000			114.000.000

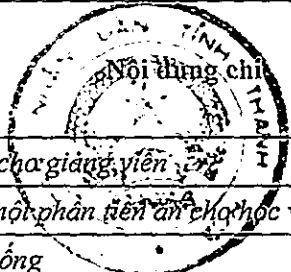
Số TT		ĐVT	Dự toán đơn vị lập			Dự toán thẩm định		
			Số lượng	Định mức	Thành tiền	Số lượng	Định mức	Thành tiền
1	Lớp BD văn hóa, công sở, đạo đức công vụ, quy tắc ứng xử cho CBCC cấp xã	lớp	1		73.500.000	1		57.000.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	3.500.000	14.000.000	3	3.500.000	10.500.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	150	200.000	30.000.000	150	150.000	22.500.000
-	Tiền nước uống	người	150	120.000	18.000.000	150	90.000	13.500.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	150	30.000	4.500.000	150	30.000	4.500.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
2	Lớp BD kiến thức hội nhập quốc tế cho đội ngũ CBCC cấp xã	lớp	1		73.500.000	1		57.000.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	3.500.000	14.000.000	3	3.500.000	10.500.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	150	200.000	30.000.000	150	150.000	22.500.000
-	Tiền nước uống	người	150	120.000	18.000.000	150	90.000	13.500.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	150	30.000	4.500.000	150	30.000	4.500.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
XXII	Huyện Ngọc Lặc mở 01 lớp bồi dưỡng kiến thức QLNN cho Bí thư chi bộ, Trưởng thôn	lớp	1		73.500.000	1		57.000.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	3.500.000	14.000.000	3	3.500.000	10.500.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	150	200.000	30.000.000	150	150.000	22.500.000
-	Tiền nước uống	người	150	120.000	18.000.000	150	90.000	13.500.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	150	30.000	4.500.000	150	30.000	4.500.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
XXIII	Huyện Cẩm Thủy				126.000.000			97.800.000
1	Lớp BD kiến thức QLNN cho Bí thư chi bộ, Trưởng thôn	lớp	1		63.000.000	1		48.900.000

Số TT		ĐVT	Dự toán đơn vị lập			Dự toán thẩm định		
			Số lượng	Định mức	Thành tiền	Số lượng	Định mức	Thành tiền
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	3.500.000	14.000.000	3	3.500.000	10.500.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	120	200.000	24.000.000	120	150.000	18.000.000
-	Tiền nước uống	người	120	120.000	14.400.000	120	90.000	10.800.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	120	30.000	3.600.000	120	30.000	3.600.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
2	Lớp BD kiến thức QLNN cho đội ngũ CBCC cấp xã	lớp	1		63.000.000	1		48.900.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	3.500.000	14.000.000	3	3.500.000	10.500.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	120	200.000	24.000.000	120	150.000	18.000.000
-	Tiền nước uống	người	120	120.000	14.400.000	120	90.000	10.800.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	120	30.000	3.600.000	120	30.000	3.600.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
XXIV	Huyện Quan Hóa mở 01 lớp BD kỹ năng giao tiếp trong thực thi công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã	lớp	1		46.200.000	1		35.940.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	3.500.000	14.000.000	3	3.500.000	10.500.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	72	200.000	14.400.000	72	150.000	10.800.000
-	Tiền nước uống	người	72	120.000	8.640.000	72	90.000	6.480.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	72	30.000	2.160.000	72	30.000	2.160.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
XXV	Huyện Bá Thước mở 01 lớp BD kiến thức QLNN cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã	lớp	1		56.000.000	1		43.500.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	3.500.000	14.000.000	3	3.500.000	10.500.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000

Số TT	Nội dung chi	ĐVT	Dự toán đơn vị lập			Dự toán thẩm định		
			Số lượng	Định mức	Thành tiền	Số lượng	Định mức	Thành tiền
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	100	200.000	20.000.000	100	150.000	15.000.000
-	Tiền nước uống	người	100	120.000	12.000.000	100	90.000	9.000.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	100	30.000	3.000.000	100	30.000	3.000.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
XXVI	Huyện Mường Lát mở 01 lớp BD văn hóa công sở, đạo đức công vụ, quy tắc ứng xử cho CBCC cấp xã	lớp	1		56.000.000	1		43.500.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	3.500.000	14.000.000	3	3.500.000	10.500.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	100	200.000	20.000.000	100	150.000	15.000.000
-	Tiền nước uống	người	100	120.000	12.000.000	100	90.000	9.000.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	100	30.000	3.000.000	100	30.000	3.000.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
XXVII	Huyện Lang Chánh mở 01 lớp BD Kỹ năng giao tiếp trong thực thi công vụ cho CBCC xã	lớp	1		56.000.000	1		43.500.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	3.500.000	14.000.000	3	3.500.000	10.500.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	100	200.000	20.000.000	100	150.000	15.000.000
-	Tiền nước uống	người	100	120.000	12.000.000	100	90.000	9.000.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	100	30.000	3.000.000	100	30.000	3.000.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
B	CÁC ĐƠN VỊ CẤP TỈNH				6.551.910.000			5.651.010.000
I	Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh mở 02 lớp tập huấn nghiệp vụ công tác hội cho PCT Hội phụ nữ và Chi hội trưởng Hội phụ nữ cơ sở	lớp	2	58.000.000	116.000.000	2	45.000.000	90.000.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	4.000.000	16.000.000	3	4.000.000	12.000.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000

Số TT	Nội dung chi/NT	ĐVT	Dự toán đơn vị lập			Dự toán thẩm định		
			Số lượng	Định mức	Thành tiền	Số lượng	Định mức	Thành tiền
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	100	200.000	20.000.000	100	150.000	15.000.000
-	Tiền nước uống	người	100	120.000	12.000.000	100	90.000	9.000.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	100	30.000	3.000.000	100	30.000	3.000.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
II	Tỉnh đoàn Thanh niên mở 02 lớp tập huấn nghiệp vụ Đoàn, Hội, Đội cho Bí thư đoàn cấp xã mới được kiện toàn	lớp	2	93.000.000	186.000.000	2	72.000.000	144.000.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	4.000.000	16.000.000	3	4.000.000	12.000.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	200	200.000	40.000.000	200	150.000	30.000.000
-	Tiền nước uống	người	200	120.000	24.000.000	200	90.000	18.000.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	200	30.000	6.000.000	200	30.000	6.000.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
					87.100.000			68.220.000
III	Hội người mù							
1	Lớp BD sư phạm nghề tầm quất cho cán bộ hội các cấp	lớp	2	28.800.000	57.600.000	2	22.560.000	45.120.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	3.000.000	12.000.000	3	3.000.000	9.000.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	28	200.000	5.600.000	28	150.000	4.200.000
-	Tiền nước uống	người	28	120.000	3.360.000	28	90.000	2.520.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	28	30.000	840.000	28	30.000	840.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
2	Lớp tập huấn làm tấm cho cán bộ hội cấp huyện	lớp	1		29.500.000	1		23.100.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	3.000.000	12.000.000	3	3.000.000	9.000.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000

Số TT	Nội dung chi	ĐVT	Dự toán đơn vị lập			Dự toán thẩm định		
			Số lượng	Định mức	Thành tiền	Số lượng	Định mức	Thành tiền
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	30	200.000	6.000.000	30	150.000	4.500.000
-	Tiền nước uống	người	30	120.000	3.600.000	30	90.000	2.700.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	30	30.000	900.000	30	30.000	900.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
IV	Sở Tài nguyên và Môi trường mở 01 lớp BD nghiệp vụ về công tác tài nguyên và môi trường cho CBCC cấp huyện, cấp xã	lớp	1		93.000.000	1		72.000.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	4.000.000	16.000.000	3	4.000.000	12.000.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	200	200.000	40.000.000	200	150.000	30.000.000
-	Tiền nước uống	người	200	120.000	24.000.000	200	90.000	18.000.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	200	30.000	6.000.000	200	30.000	6.000.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
V	Sở Kế hoạch và Đầu tư mở 03 lớp BD kiến thức về hoạt động đầu tư kinh doanh, quản lý và sử dụng vốn đầu tư công cho CBCC cấp xã	lớp	3	58.000.000	174.000.000	3	45.000.000	135.000.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	4.000.000	16.000.000	3	4.000.000	12.000.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	100	200.000	20.000.000	100	150.000	15.000.000
-	Tiền nước uống	người	100	120.000	12.000.000	100	90.000	9.000.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	100	30.000	3.000.000	100	30.000	3.000.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
VI	Sở Lao động - Thương binh & Xã hội mở 02 lớp tập huấn nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho công chức cấp xã phụ trách công tác Lao động - Người có công và Xã hội thuộc 16 huyện	lớp	2	60.450.000	120.900.000	2	46.890.000	93.780.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	4.000.000	16.000.000	3	4.000.000	12.000.000

Số TT		ĐVT	Dự toán đơn vị lập			Dự toán thẩm định		
			Số lượng	Định mức	Thành tiền	Số lượng	Định mức	Thành tiền
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	107	200.000	21.400.000	107	150.000	16.050.000
-	Tiền nước uống	người	107	120.000	12.840.000	107	90.000	9.630.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	107	30.000	3.210.000	107	30.000	3.210.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
VII	Chi cục Văn thư - Lưu trữ				195.000.000			151.200.000
1	Lớp BD nghiệp vụ VTLT cho cán bộ lãnh đạo, quản lý các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện	lớp	1		65.000.000	1		50.400.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	4.000.000	16.000.000	3	4.000.000	12.000.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	120	200.000	24.000.000	120	150.000	18.000.000
-	Tiền nước uống	người	120	120.000	14.400.000	120	90.000	10.800.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	120	30.000	3.600.000	120	30.000	3.600.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
2	Lớp BD nghiệp vụ VTLT cho đội ngũ CBCC các đơn vị trực thuộc sở, ngành	lớp	1		65.000.000	1		50.400.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	4.000.000	16.000.000	3	4.000.000	12.000.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	120	200.000	24.000.000	120	150.000	18.000.000
-	Tiền nước uống	người	120	120.000	14.400.000	120	90.000	10.800.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	120	30.000	3.600.000	120	30.000	3.600.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
3	Lớp BD nghiệp vụ công tác VTLT cho đội ngũ CBCC cấp xã	lớp	1		65.000.000	1		50.400.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	4.000.000	16.000.000	3	4.000.000	12.000.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000

Số TT	Nội dung chi	ĐVT	Dự toán đơn vị lập			Dự toán thẩm định		
			Số lượng	Định mức	Thành tiền	Số lượng	Định mức	Thành tiền
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	120	200.000	24.000.000	120	150.000	18.000.000
-	Tiền nước uống	người	120	120.000	14.400.000	120	90.000	10.800.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	120	30.000	3.600.000	120	30.000	3.600.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
VIII	Ban Tôn giáo mở 03 lớp BD nghiệp vụ công tác tôn giáo cho đội ngũ CBCC cấp xã; Công an viên, BT chỉ bộ, Trưởng thôn tại 03 huyện Nông Công, Thường Xuân, Quan Hóa	lớp	3	75.500.000	226.500.000	3	58.500.000	175.500.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	4.000.000	16.000.000	3	4.000.000	12.000.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	150	200.000	30.000.000	150	150.000	22.500.000
-	Tiền nước uống	người	150	120.000	18.000.000	150	90.000	13.500.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	150	30.000	4.500.000	150	30.000	4.500.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
IX	Ban Thi đua - Khen thưởng mở 02 lớp BD nghiệp vụ công tác thi đua, khen thưởng cho đội ngũ CBCC từ tỉnh đến cơ sở	lớp	2	75.500.000	151.000.000	2	58.500.000	117.000.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	4.000.000	16.000.000	3	4.000.000	12.000.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	150	200.000	30.000.000	150	150.000	22.500.000
-	Tiền nước uống	người	150	120.000	18.000.000	150	90.000	13.500.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	150	30.000	4.500.000	150	30.000	4.500.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
X	Trung tâm Giáo dục Quốc tế - Trường ĐH Hồng Đức mở 01 lớp đào tạo tiếng Nhật cho CBCC là cán bộ nguồn của các cơ quan, ban, ngành trên địa bàn tỉnh	lớp	1		225.250.000	1		225.250.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	60	2.000.000	120.000.000	60	2.000.000	120.000.000

Số TT		ĐVT	Dự toán đơn vị lập			Dự toán thẩm định		
			Số lượng	Định mức	Thành tiền	Số lượng	Định mức	Thành tiền
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	120	500.000	60.000.000	120	500.000	60.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	25	1.000.000	25.000.000	25	1.000.000	25.000.000
-	Tiền nước uống	người	25	600.000	15.000.000	25	600.000	15.000.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	25	80.000	2.000.000	25	80.000	2.000.000
-	Tiền in chứng chỉ	cái	25	10.000	250.000	25	10.000	250.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
XI	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh mở 01 lớp đào tạo tiếng Lào cho CBCC, cán bộ Bộ đội biên phòng đang công tác tại các huyện biên giới	lớp	1		209.800.000	1		209.800.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	48	2.000.000	96.000.000	48	2.000.000	96.000.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	96	500.000	48.000.000	96	500.000	48.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	40	1.000.000	40.000.000	40	1.000.000	40.000.000
-	Tiền nước uống	người	40	480.000	19.200.000	40	480.000	19.200.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	40	80.000	3.200.000	40	80.000	3.200.000
-	Tiền in chứng chỉ	cái	40	10.000	400.000	40	10.000	400.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
XII	Trường Chính trị tỉnh				1.330.000.000			1.330.000.000
1	Lớp bồi dưỡng kiến thức QLNN chương trình chuyên viên chính và tương đương cho CBCC khối chính quyền, đảng, đoàn thể	lớp	2	294.300.000	588.600.000	2	294.300.000	588.600.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	48	2.000.000	96.000.000	48	2.000.000	96.000.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	96	500.000	48.000.000	96	500.000	48.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	100	500.000	50.000.000	100	500.000	50.000.000
-	Tiền nước uống	người	100	480.000	48.000.000	100	480.000	48.000.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	100	80.000	8.000.000	100	80.000	8.000.000

Số TT	Nội dung chính	ĐVT	Dự toán đơn vị lập			Dự toán thẩm định		
			Số lượng	Định mức	Thành tiền	Số lượng	Định mức	Thành tiền
-	Chi tổ chức cho học viên đi thực tế (02 CB quản lý)	người	102	150.000	15.300.000	102	150.000	15.300.000
-	Tiền in chứng chỉ, giấy khen	cái	100	20.000	2.000.000	100	20.000	2.000.000
	Đề đáp, coi thi, chấm thi, giấy thi		1	9.000.000	9.000.000	1	9.000.000	9.000.000
	Hướng dẫn tiểu luận, chấm tiểu luận		1	15.000.000	15.000.000	1	15.000.000	15.000.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
2	Lớp bồi dưỡng kiến thức QLNN chương trình chuyên viên và tương đương cho CBCC khối chính quyền, đảng, đoàn thể	lớp	2	294.300.000	588.600.000	2	294.300.000	588.600.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	48	2.000.000	96.000.000	48	2.000.000	96.000.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	96	500.000	48.000.000	96	500.000	48.000.000
-	Hỗ trợ một phần tiền ăn cho HV	người	100	500.000	50.000.000	100	500.000	50.000.000
-	Tiền nước uống	người	100	480.000	48.000.000	100	480.000	48.000.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	100	80.000	8.000.000	100	80.000	8.000.000
-	Tiền in chứng chỉ, giấy khen	cái	100	20.000	2.000.000	100	20.000	2.000.000
-	Đề đáp, coi thi, chấm thi, giấy thi		1	9.000.000	9.000.000	1	9.000.000	9.000.000
-	Hướng dẫn tiểu luận, chấm tiểu luận		1	15.000.000	15.000.000	1	15.000.000	15.000.000
-	Chi tổ chức cho học viên đi thực tế (02 CB quản lý)	người	102	150.000	15.300.000	102	150.000	15.300.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
3	Lớp BD theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo cấp phòng và tương đương cho đội ngũ CBCC các huyện, thị xã, thành phố	lớp	2	76.400.000	152.800.000	2	76.400.000	152.800.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	4.000.000	16.000.000	4	4.000.000	16.000.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	8	500.000	4.000.000
-	Hỗ trợ một phần tiền ăn cho HV	người	120	200.000	24.000.000	120	200.000	24.000.000
-	Tiền nước uống	người	120	120.000	14.400.000	120	120.000	14.400.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	120	30.000	3.600.000	120	30.000	3.600.000

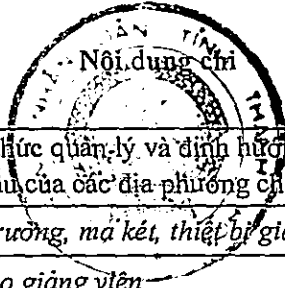
Số TT		ĐVT	Dự toán đơn vị lập			Dự toán thẩm định		
			Số lượng	Định mức	Thành tiền	Số lượng	Định mức	Thành tiền
-	Tiền in chứng chỉ, giấy khen	cái	120	20.000	2.400.000	120	20.000	2.400.000
-	Đề đáp, coi thi, chấm thi, giấy thi	lớp	1	4.000.000	4.000.000	1	4.000.000	4.000.000
-	Hướng dẫn viết đề án và chấm đề án	lớp	1	5.000.000	5.000.000	1	5.000.000	5.000.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
XIII	Ban Dân tộc mở 02 lớp BD kiến thức về công tác dân tộc cho CBCC cấp huyện, xã	lớp	2	58.000.000	116.000.000	2	45.000.000	90.000.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	4.000.000	16.000.000	3	4.000.000	12.000.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Hỗ trợ một phần tiền ăn cho HV	người	100	200.000	20.000.000	100	150.000	15.000.000
-	Tiền nước uống	người	100	120.000	12.000.000	100	90.000	9.000.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	100	30.000	3.000.000	100	30.000	3.000.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
XIV	Công an tỉnh mở 01 lớp BD nghiệp vụ cho Phó Công an xã chưa được hưởng lương công chức	lớp	1		94.050.000	1		72.810.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	4.000.000	16.000.000	3	4.000.000	12.000.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Hỗ trợ một phần tiền ăn cho HV	người	203	200.000	40.600.000	203	150.000	30.450.000
-	Tiền nước uống	người	203	120.000	24.360.000	203	90.000	18.270.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	203	30.000	6.090.000	203	30.000	6.090.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
XV	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn				151.000.000			117.000.000
1	Lớp BD văn hóa công sở, đạo đức công vụ, quy tắc ứng xử cho CBCC	lớp	1		75.500.000	1		58.500.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	4.000.000	16.000.000	3	4.000.000	12.000.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000

Số TT	Nội dung chi	ĐVT	Dự toán đơn vị lập			Dự toán thẩm định		
			Số lượng	Định mức	Thành tiền	Số lượng	Định mức	Thành tiền
-	Hỗ trợ một phần tiền ăn cho HV	người	150	200.000	30.000.000	150	150.000	22.500.000
-	Tiền nước uống	người	150	120.000	18.000.000	150	90.000	13.500.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	150	30.000	4.500.000	150	30.000	4.500.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
2	Lớp BD nghiệp vụ công tác tuyên truyền, giải quyết chế độ chính sách GPMB, di dân tái định cư	lớp	1		75.500.000	1		58.500.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	4.000.000	16.000.000	3	4.000.000	12.000.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Hỗ trợ một phần tiền ăn cho HV	người	150	200.000	30.000.000	150	150.000	22.500.000
-	Tiền nước uống	người	150	120.000	18.000.000	150	90.000	13.500.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	150	30.000	4.500.000	150	30.000	4.500.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
XVI	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch				105.000.000			81.600.000
1	Lớp BD kiến thức về pháp chế và triển khai các văn bản QPPL mới ban hành lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và gia đình	lớp	1		65.000.000	1		50.400.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	4.000.000	16.000.000	3	4.000.000	12.000.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Hỗ trợ một phần tiền ăn cho HV	người	120	200.000	24.000.000	120	150.000	18.000.000
-	Tiền nước uống	người	120	120.000	14.400.000	120	90.000	10.800.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	120	30.000	3.600.000	120	30.000	3.600.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
2	Lớp BD văn hóa công sở, đạo đức công vụ, quy tắc ứng xử cho CBCC	lớp	1		40.000.000	1		31.200.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	3.000.000	12.000.000	3	3.000.000	9.000.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000

Số TT	Nội dung chi	ĐVT	Dự toán đơn vị lập			Dự toán thẩm định		
			Số lượng	Định mức	Thành tiền	Số lượng	Định mức	Thành tiền
-	Hỗ trợ một phần tiền ăn cho HV	người	60	200.000	12.000.000	60	150.000	9.000.000
-	Tiền nước uống	người	60	120.000	7.200.000	60	90.000	5.400.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	60	30.000	1.800.000	60	30.000	1.800.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
XVII	Sở Giao thông Vận tải				186.000.000			144.000.000
1	Lớp BD nghiệp vụ quản lý bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ GTVT cho CBCC làm công tác giao thông cấp tỉnh, huyện	lớp	1		93.000.000	1		72.000.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	4.000.000	16.000.000	3	4.000.000	12.000.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Hỗ trợ một phần tiền ăn cho HV	người	200	200.000	40.000.000	200	150.000	30.000.000
-	Tiền nước uống	người	200	120.000	24.000.000	200	90.000	18.000.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	200	30.000	6.000.000	200	30.000	6.000.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
2	Lớp BD nghiệp vụ về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ lưu hành xe quá tải trọng theo TT số 46/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ GTVT cho CBCC làm công tác giao thông cấp tỉnh, huyện	lớp	1		93.000.000	1		72.000.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	4.000.000	16.000.000	3	4.000.000	12.000.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Hỗ trợ một phần tiền ăn cho HV	người	200	200.000	40.000.000	200	150.000	30.000.000
-	Tiền nước uống	người	200	120.000	24.000.000	200	90.000	18.000.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	200	30.000	6.000.000	200	30.000	6.000.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
XVIII	Sở Khoa học và Công nghệ				133.500.000			103.500.000

Số TT	Nội dung chi	ĐVT	Dự toán đơn vị lập			Dự toán thẩm định		
			Số lượng	Định mức	Thành tiền	Số lượng	Định mức	Thành tiền
1	Lớp tập huấn nghiệp vụ quản lý về KHCN cho CBCC phụ trách KHCN các sở, ngành, UBND cấp huyện	lớp	1		75.500.000	1		58.500.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	4.000.000	16.000.000	3	4.000.000	12.000.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Hỗ trợ một phần tiền ăn cho HV	người	150	200.000	30.000.000	150	150.000	22.500.000
-	Tiền nước uống	người	150	120.000	18.000.000	150	90.000	13.500.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	150	30.000	4.500.000	150	30.000	4.500.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
2	Lớp tập huấn về xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 cho CBCC các cấp tỉnh, huyện	lớp	1		58.000.000	1		45.000.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	4.000.000	16.000.000	3	4.000.000	12.000.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Hỗ trợ một phần tiền ăn cho HV	người	100	200.000	20.000.000	100	150.000	15.000.000
-	Tiền nước uống	người	100	120.000	12.000.000	100	90.000	9.000.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	100	30.000	3.000.000	100	30.000	3.000.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
XIX	Sở Xây dựng mở 02 Lớp tập huấn, hướng dẫn thực hiện các văn bản QPPL mới về lĩnh vực xây dựng cho CBCC làm công tác xây dựng từ tỉnh đến cơ sở	lớp	2	85.500.000	171.000.000	2	85.500.000	171.000.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	3	4.000.000	12.000.000	3	4.000.000	12.000.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	6	500.000	3.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Hỗ trợ một phần tiền ăn cho HV	người	250	150.000	37.500.000	250	150.000	37.500.000
-	Tiền nước uống	người	250	90.000	22.500.000	250	90.000	22.500.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	250	30.000	7.500.000	250	30.000	7.500.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000

Số TT	Nội dung chi	ĐVT	Dự toán đơn vị lập			Dự toán thẩm định		
			Số lượng	Định mức	Thành tiền	Số lượng	Định mức	Thành tiền
XX	Sở Tư pháp				226.500.000			175.500.000
1	Lớp BD kiến thức pháp luật cho CBCC làm công tác tư pháp cấp huyện, cấp xã 11 huyện miền núi	lớp	2	75.500.000	151.000.000	2	58.500.000	117.000.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	4.000.000	16.000.000	3	4.000.000	12.000.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Hỗ trợ một phần tiền ăn cho HV	người	150	200.000	30.000.000	150	150.000	22.500.000
-	Tiền nước uống	người	150	120.000	18.000.000	150	90.000	13.500.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	150	30.000	4.500.000	150	30.000	4.500.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
2	Lớp BD kiến thức pháp luật cho CBCC làm công tác tư pháp cấp huyện, cấp xã của 16 huyện còn lại	lớp	1		75.500.000	1		58.500.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	4.000.000	16.000.000	3	4.000.000	12.000.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Hỗ trợ một phần tiền ăn cho HV	người	150	200.000	30.000.000	150	150.000	22.500.000
-	Tiền nước uống	người	150	120.000	18.000.000	150	90.000	13.500.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	150	30.000	4.500.000	150	30.000	4.500.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
XXI	Sở Công thương				116.000.000			90.000.000
1	Lớp BD kiến thức QLNN về Thương mại điện tử cho CBCC ngành, huyện	lớp	1		58.000.000	1		45.000.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	4.000.000	16.000.000	3	4.000.000	12.000.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Hỗ trợ một phần tiền ăn cho HV	người	100	200.000	20.000.000	100	150.000	15.000.000
-	Tiền nước uống	người	100	120.000	12.000.000	100	90.000	9.000.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	100	30.000	3.000.000	100	30.000	3.000.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000

Số TT		ĐVT	Dự toán đơn vị lập			Dự toán thẩm định		
			Số lượng	Định mức	Thành tiền	Số lượng	Định mức	Thành tiền
2	Lớp BD kiến thức quản lý và định hướng hoạt động xuất, nhập khẩu của các địa phương cho CBCC ngành,	lớp	1		58.000.000	1		45.000.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	4.000.000	16.000.000	3	4.000.000	12.000.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Hỗ trợ một phần tiền ăn cho HV	người	100	200.000	20.000.000	100	150.000	15.000.000
-	Tiền nước uống	người	100	120.000	12.000.000	100	90.000	9.000.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	100	30.000	3.000.000	100	30.000	3.000.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
XXII	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				129.300.000			100.260.000
1	Lớp tập huấn, hướng dẫn thực hiện các văn bản QPPL có liên quan về nghiệp vụ quản lý tài chính trong đầu tư công cho CBCC của các đơn vị trực thuộc	lớp	1		71.300.000	1		55.260.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	4.000.000	16.000.000	3	4.000.000	12.000.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Hỗ trợ một phần tiền ăn cho HV	người	138	200.000	27.600.000	138	150.000	20.700.000
-	Tiền nước uống	người	138	120.000	16.560.000	138	90.000	12.420.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	138	30.000	4.140.000	138	30.000	4.140.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
2	Lớp tập huấn, hướng dẫn thực hiện các văn bản QPPL có liên quan về kiểm dịch động vật, phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản cho đội ngũ CBCC	lớp	1		58.000.000	1		45.000.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	4.000.000	16.000.000	3	4.000.000	12.000.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Hỗ trợ một phần tiền ăn cho HV	người	100	200.000	20.000.000	100	150.000	15.000.000
-	Tiền nước uống	người	100	120.000	12.000.000	100	90.000	9.000.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	100	30.000	3.000.000	100	30.000	3.000.000

Số TT	Nội dung chi	ĐVT	Dự toán đơn vị lập			Dự toán thẩm định		
			Số lượng	Định mức	Thành tiền	Số lượng	Định mức	Thành tiền
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
XXIII	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh				384.000.000			301.500.000
1	Lớp tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ truyền thanh cơ sở	lớp	3	128.000.000	384.000.000	3	100.500.000	301.500.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	4.000.000	16.000.000	3	4.500.000	13.500.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Hỗ trợ một phần tiền ăn cho HV	người	300	200.000	60.000.000	300	150.000	45.000.000
-	Tiền nước uống	người	300	120.000	36.000.000	300	90.000	27.000.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	300	30.000	9.000.000	300	30.000	9.000.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
XXIV	Sở Thông tin và Truyền thông				180.000.000			138.000.000
1	Lớp BD về công nghệ thông tin cho CBCC cấp xã thuộc các huyện miền núi	lớp	1		90.000.000	1		69.000.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	5	4.000.000	20.000.000	3	4.000.000	12.000.000
-	Chi thù lao cho giảng viên chính	buổi	10	500.000	5.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Hỗ trợ một phần tiền ăn cho HV	người	50	250.000	12.500.000	50	150.000	7.500.000
-	Chi cho giảng viên trợ giảng (01 người)	buổi	10	200.000	2.000.000			0
-	Tiền nước uống	người	50	150.000	7.500.000	50	90.000	4.500.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	50	50.000	2.500.000	50	30.000	1.500.000
-	Chi thuê 50 máy tính phục vụ lớp học (01 máy x 05 ngày x 150.000đ/ngày/máy)	máy	50	750.000	37.500.000	50	750.000	37.500.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
2	Lớp BD về công nghệ thông tin cho cán bộ chuyên trách CNTT các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	lớp	1		90.000.000	1		69.000.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	5	4.000.000	20.000.000	3	4.000.000	12.000.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	10	500.000	5.000.000	6	500.000	3.000.000

Số TT		ĐVT	Dự toán đơn vị lập			Dự toán thẩm định		
			Số lượng	Định mức	Thành tiền	Số lượng	Định mức	Thành tiền
-	Hỗ trợ một phần tiền ăn cho HV	người	50	250.000	12.500.000	50	150.000	7.500.000
-	Chi cho giảng viên trợ giảng (01 người)	buổi	10	200.000	2.000.000			
-	Tiền nước uống	người	50	150.000	7.500.000	50	90.000	4.500.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	50	50.000	2.500.000	50	30.000	1.500.000
-	Chi thuê 50 máy tính phục vụ lớp học (01 máy x 05 ngày x 150.000đ/ngày/máy)	máy	50	750.000	37.500.000	50	750.000	37.500.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
XXV	Báo Thanh Hóa mở 01 lớp tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, phóng viên, biên tập viên Báo TH và các cộng tác viên của Báo TH đang công tác tại các Đài truyền thanh, truyền hình trên địa bàn tỉnh	lớp	1		58.000.000	1		45.000.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	4.000.000	16.000.000	3	4.000.000	12.000.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Hỗ trợ một phần tiền ăn cho HV	người	100	200.000	20.000.000	100	150.000	15.000.000
-	Tiền nước uống	người	100	120.000	12.000.000	100	90.000	9.000.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	100	30.000	3.000.000	100	30.000	3.000.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
XXVI	Hội Nhà báo Việt Nam tỉnh Thanh Hóa mở 01 lớp BD nghiệp vụ về tính cạnh tranh, sự tương tác của báo chí và mạng xã hội trong thời đại công nghệ số cho hội viên nhà báo trên địa bàn tỉnh	lớp	1		51.000.000	1		39.600.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	4.000.000	16.000.000	3	4.000.000	12.000.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Hỗ trợ một phần tiền ăn cho HV	người	80	200.000	16.000.000	80	150.000	12.000.000
-	Tiền nước uống	người	80	120.000	9.600.000	80	90.000	7.200.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	80	30.000	2.400.000	80	30.000	2.400.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000

Số TT	Nội dung chi	ĐVT	Dự toán đơn vị lập			Dự toán thẩm định		
			Số lượng	Định mức	Thành tiền	Số lượng	Định mức	Thành tiền
XXVII	Sở Ngoại vụ mở 01 lớp BD kiến thức về hội nhập quốc tế cho đội ngũ CBCS làm công tác đối ngoại của các sở, ngành, đoàn thể và UBND cấp huyện	lớp	1		130.000.000	1		100.500.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	4.500.000	18.000.000	3	4.500.000	13.500.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Hỗ trợ một phần tiền ăn cho HV	người	300	200.000	60.000.000	300	150.000	45.000.000
-	Tiền nước uống	người	300	120.000	36.000.000	300	90.000	27.000.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	300	30.000	9.000.000	300	30.000	9.000.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
XXVIII	Hội Cựu chiến binh tỉnh mở 01 lớp bồi dưỡng Chủ tịch Hội cựu chiến binh cấp xã thuộc 11 huyện miền núi	lớp	1		97.450.000	1		75.390.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	4.500.000	18.000.000	3	4.500.000	13.500.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Hỗ trợ một phần tiền ăn cho HV	người	207	200.000	41.400.000	207	150.000	31.050.000
-	Tiền nước uống	người	207	120.000	24.840.000	207	90.000	18.630.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	207	30.000	6.210.000	207	30.000	6.210.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
XXIX	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh mở 01 lớp tập huấn cập nhật kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ Mặt trận các cấp sau Đại hội Đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2015-2020	lớp	1		158.700.000	1		122.640.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	4.500.000	18.000.000	3	4.500.000	13.500.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Hỗ trợ một phần tiền ăn cho HV	người	382	200.000	76.400.000	382	150.000	57.300.000
-	Tiền nước uống	người	382	120.000	45.840.000	382	90.000	34.380.000

Số TT	Nội dung chi	ĐVT	Dự toán đơn vị lập			Dự toán thẩm định		
			Số lượng	Định mức	Thành tiền	Số lượng	Định mức	Thành tiền
-	Tiền in tài liệu	cuốn	382	30.000	11.460.000	382	30.000	11.460.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
XXX	Sở Tài chính				269.560.000			247.560.000
1	Lớp tập huấn nghiệp vụ quản lý tài chính - ngân sách xã cho đội ngũ CBCC cấp xã	lớp	3	65.520.000	196.560.000	3	65.520.000	196.560.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	3	4.000.000	12.000.000	3	4.000.000	12.000.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	6	500.000	3.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Hỗ trợ một phần tiền ăn cho HV	người	176	150.000	26.400.000	176	150.000	26.400.000
-	Tiền nước uống	người	176	90.000	15.840.000	176	90.000	15.840.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	176	30.000	5.280.000	176	30.000	5.280.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
2	Lớp BD nghiệp vụ về quản lý tài chính cho CBCC các đơn vị HCSN	lớp	2	36.500.000	73.000.000	2	25.500.000	51.000.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	3.000.000	12.000.000	3	2.000.000	6.000.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Hỗ trợ một phần tiền ăn cho HV	người	50	200.000	10.000.000	50	150.000	7.500.000
-	Tiền nước uống	người	50	120.000	6.000.000	50	90.000	4.500.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	50	30.000	1.500.000	50	30.000	1.500.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
XXXI	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh mở 01 lớp đào tạo tiếng, chữ dân tộc Mông cho cán bộ công chức, tri thức trẻ tình nguyện của Đoàn kinh tế - quốc phòng 5 và CBCC trên địa bàn huyện Mường Lát	lớp	1		229.300.000	1		229.300.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	48	2.000.000	96.000.000	48	2.000.000	96.000.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	96	500.000	48.000.000	96	500.000	48.000.000
-	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên	người	50	1.000.000	50.000.000	50	1.000.000	50.000.000

Số TT		ĐVT	Dự toán đơn vị lập			Dự toán thẩm định		
			Số lượng	Định mức	Thành tiền	Số lượng	Định mức	Thành tiền
-	Tiền nước uống	người	50	480.000	24.000.000	50	480.000	24.000.000
-	Tiền in chứng chỉ	cái	50	10.000	500.000	50	10.000	500.000
-	Chi tổ chức cho học viên đi thực tế (02 CB quản lý)	người	52	150.000	7.800.000	52	150.000	7.800.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
XXXII	Sở Nội vụ				451.000.000			394.100.000
1	Lớp tập huấn, hướng dẫn thực hiện Quyết định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và CBCC thay thế QĐ số 685/2007/QĐ-UBND ngày 20/3/2007 cho CBCC cấp tỉnh, huyện	lớp	1		75.500.000	1		58.500.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	4.000.000	16.000.000	3	4.000.000	12.000.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Hỗ trợ một phần tiền ăn cho HV	người	150	200.000	30.000.000	150	150.000	22.500.000
-	Tiền nước uống	người	150	120.000	18.000.000	150	90.000	13.500.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	150	30.000	4.500.000	150	30.000	4.500.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000
2	Lớp tập huấn triển khai, hướng dẫn thực hiện Quyết định của UBND tỉnh Quy định về việc đánh giá kết quả thực hiện và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các Sở, cơ quan ngang Sở, UBND các huyện, thị xã, thành phố	lớp	1		75.500.000	1		58.500.000
-	Chi thuê hội trường, ma kết, thiết bị giảng dạy...	ngày	4	4.000.000	16.000.000	3	4.000.000	12.000.000
-	Chi thù lao cho giảng viên	buổi	8	500.000	4.000.000	6	500.000	3.000.000
-	Hỗ trợ một phần tiền ăn cho HV	người	150	200.000	30.000.000	150	150.000	22.500.000
-	Tiền nước uống	người	150	120.000	18.000.000	150	90.000	13.500.000
-	Tiền in tài liệu	cuốn	150	30.000	4.500.000	150	30.000	4.500.000
-	Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...				3.000.000			3.000.000

Số TT	Nội dung chi	ĐVT	Dự toán đơn vị lập			Dự toán thẩm định		
			Số lượng	Định mức	Thành tiền	Số lượng	Định mức	Thành tiền
3	Kinh phí tham gia các lớp tập huấn, hội thảo do Bộ Nội vụ tổ chức				150.000.000			150.000.000
4	Kinh phí kiểm tra, đánh giá tổ chức thực hiện, hội nghị rút kinh nghiệm...				150.000.000			127.100.000